

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC
VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Hiến	Ủy viên
Ông Vũ Hải Vĩnh	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Thuý Hương	Ủy viên
Ông Lưu Hoàng Long	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Hoàng Long	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Song Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

Số: 401 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là “ Tổng Công ty”) tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được lập ngày 09/10/2013 từ trang 3 đến trang 24 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0917-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		350.646.878.944	347.385.313.945
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	104.861.211.649	87.723.617.540
1. Tiền	111		4.161.211.649	1.523.617.540
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.700.000.000	86.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		115.499.615.161	111.276.581.609
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	115.499.615.161	111.276.581.609
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		114.790.282.321	132.721.780.583
1. Phải thu khách hàng	131	6	76.340.760.867	98.144.063.555
2. Trả trước cho người bán	132	7	22.163.040.442	19.854.685.625
3. Các khoản phải thu khác	135	8	26.280.175.973	24.716.726.364
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.993.694.961)	(9.993.694.961)
IV. Hàng tồn kho	140	9	13.538.533.342	14.488.533.342
1. Hàng tồn kho	141		13.538.533.342	14.488.533.342
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.957.236.471	1.174.800.871
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		433.089.351	122.248.367
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		451.792.039	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		27.141.216	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	1.045.213.865	1.052.552.504
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		390.956.329.595	394.215.401.776
I. Tài sản cố định	220		29.681.526.718	30.480.554.361
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.563.573.554	6.293.580.131
- Nguyên giá	222		19.794.262.221	20.011.377.208
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.230.688.667)	(13.717.797.077)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	17.997.862.335	18.066.883.401
- Nguyên giá	228		18.213.266.400	18.239.199.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(215.404.065)	(172.315.999)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	6.120.090.829	6.120.090.829
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		360.181.295.137	363.193.938.597
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	313.730.600.000	313.730.600.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15	36.299.695.137	39.312.338.597
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	10.251.000.000	10.251.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(100.000.000)	(100.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.093.507.740	540.908.818
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	1.005.619.011	453.020.089
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	87.888.729	87.888.729
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		741.603.208.539	741.600.715.721

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		187.921.722.952	179.751.988.129
I. Nợ ngắn hạn	310		182.333.118.386	170.640.800.484
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	56.930.943.299	66.108.455.020
2. Phải trả người bán	312	20	47.329.228.158	56.017.837.851
3. Người mua trả tiền trước	313	21	3.988.607.163	1.418.523.145
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	35.007.283	5.724.549.552
5. Phải trả người lao động	315		6.179.477.499	1.795.395.691
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	63.832.888.747	38.206.895.988
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.036.966.237	1.369.143.237
II. Nợ dài hạn	330		5.588.604.566	9.111.187.645
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		119.650.566	497.666.145
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	24	5.468.954.000	8.613.521.500
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		553.681.485.587	561.848.727.592
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	553.681.485.587	561.848.727.592
1. Vốn điều lệ	411		438.000.000.000	438.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.419.584.594	15.229.584.594
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.528.418.573	5.930.012.198
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		91.733.482.420	102.689.130.800
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		741.603.208.539	741.600.715.721

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	30/06/2013	01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	2.414,44	100
- EUR	9.566,33	102,03



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
			đến 30/06/2013	đến 30/06/2012 (chưa soát xét)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		10.692.982.597	65.490.261.301
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	26	10.692.982.597	65.490.261.301
3. Giá vốn hàng bán	11	27	8.195.491.190	61.613.130.762
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.497.491.407	3.877.130.539
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	33.159.781.563	41.112.515.315
6. Chi phí tài chính	22	30	918.986.095	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		645.607.158	-
7. Chi phí bán hàng	24		481.524.514	337.278.843
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31	11.930.937.857	7.151.933.775
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		22.325.824.504	37.500.433.236
10. Thu nhập khác	31		471.257.900	97.061.127
11. Chi phí khác	32		23.542.542	8.588.000
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		447.715.358	88.473.127
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		22.773.539.862	37.588.906.363
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		22.773.539.862	37.588.906.363



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 chưa soát xét
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	31.956.673.421	82.176.038.983
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(16.134.456.076)	(81.892.373.364)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(6.847.775.416)	(6.246.245.680)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(645.830.095)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(1.257.844.561)	(1.752.605.165)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	33.526.018.900	39.292.222.090
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(22.656.939.515)	(18.548.585.549)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.939.846.658	13.028.451.315
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(89.671.455)	(142.218.457)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	30.000	29.590.000
3. Tiền chi cho vay, mua sắm công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.085.176.636)	(13.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	35.862.143.084	10.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.527.065.349	546.638.944
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.214.390.342	(2.565.989.513)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	26.420.646.752	72.629.754.292
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(35.598.158.473)	(108.741.867.627)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(881.138.200)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.058.649.921)	(36.112.113.335)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	17.095.587.079	(25.649.651.533)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	87.723.617.540	158.648.252.458
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	42.007.030	(185.039.887)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối (70=50+60+61)	70	104.861.211.649	132.813.561.038



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hương
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tên giao dịch VIETNAM ELECTRONICS AND INFOMATICS JOINT STOCK CORPORATION, tên viết tắt là VEIC (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 2/1/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 1/3/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 27/4/2009.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 438.000.000.000 đồng.

Đơn vị trực thuộc: Trường Cao đẳng công nghệ Viettronics được thành lập theo quyết định số 2445/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các cổ đông sáng lập của Tổng Công ty gồm:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn đăng ký góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà nước	385.308.600.000	38.530.860	87,97%
Vốn các cổ đông khác	52.691.400.000	5.269.140	12,03%
	438.000.000.000	43.800.000	100,00%

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2013 là 162 người (tại ngày 31/12/2012 là 162 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện, chi tiết, vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Xây dựng: Công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh truyền hình, đường dây và trạm biến áp điện;
- Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV.
- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực điện tử và tin học;
- Nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội.
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Tổng Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Các bên liên quan

Các bên liên quan được xác định là các cổ đông, công ty con, công ty liên danh, liên kết. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính (Tiếp theo)***Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Tổng Công ty là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật, kiến trúc	20 - 25
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao.

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	03

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Tổng Công ty giữ cổ phần chi phối (từ 51% trở lên) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

358
 : TY
 H HỮU
 TOÁN
 CO
 TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các khoản vốn góp vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh là một khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh trên báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 03 (ba) năm.

Các chi phí trả trước dài hạn khác là các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí nhận diện thương hiệu được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 03 (ba) năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế xuất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	517.234.851	184.512.723
Tiền gửi ngân hàng	3.643.976.798	1.339.104.817
Các khoản tương đương tiền	100.700.000.000	86.200.000.000
Cộng	104.861.211.649	87.723.617.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng	44.010.000.000	58.810.000.000
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam	24.600.000.000	24.600.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	6.300.000.000	6.300.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	6.000.000.000	9.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	4.900.000.000	4.900.000.000
Ngân hàng liên doanh Việt Nga	2.210.000.000	4.210.000.000
Ngân hàng bưu điện Liên Việt	-	9.800.000.000
Các khoản cho vay	71.489.615.161	52.466.581.609
Cty CP Viettronics Công Nghiệp (VCN)	28.165.342.296	15.142.308.744
Cty CP Công nghệ thông tin Genpacific	20.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Viettronic Đồng Đa	16.329.993.435	16.329.993.435
Cty CP Công trình Viettronics	6.994.279.430	6.994.279.430
Cộng	115.499.615.161	111.276.581.609

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà	35.008.437.611	47.847.083.408
Tổng Công ty xây dựng số 1	27.133.221.025	36.383.221.025
Ban quản lý Dự án nhà máy thủy điện Sơn La	3.130.127.365	2.930.520.820
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty TNHH MTV TM đầu tư phát triển đô thị	2.653.678.000	2.653.678.000
Ban quản lý Dự án Các công trình Điện Miền Nam	2.232.000.133	2.232.000.133
Công ty CP Tập đoàn Điện tử Công nghiệp Việt Nam	1.861.897.311	1.861.897.311
Các đối tượng khác	1.521.399.422	1.435.662.858
Cộng	76.340.760.867	98.144.063.555

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Liên danh nhà thầu thủy điện Bắc Hà - Norinco	12.317.935.561	12.317.935.561
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	4.854.351.000
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	2.599.399.064	2.599.399.064
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính T&D	1.949.954.817	-
Các đối tượng khác	441.400.000	83.000.000
Cộng	22.163.040.442	19.854.685.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	10.067.788.550	6.409.316.550
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	5.188.819.057	11.198.852.477
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	2.107.997.573
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin GENPACIFIC	1.836.000.000	-
Các khoản phải thu khác	5.079.570.793	5.000.559.764
Cộng	26.280.175.973	24.716.726.364

9. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí SX, KD dở dang	3.097.535.000	4.047.535.000
Hàng hóa	10.440.998.342	10.440.998.342
Cộng giá gốc hàng tồn kho	13.538.533.342	14.488.533.342
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	13.538.533.342	14.488.533.342

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	932.358.149	237.134.149
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	112.855.716	815.418.355
Cộng	1.045.213.865	1.052.552.504

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	10.847.732.500	4.704.789.618	3.929.664.596	529.190.494	20.011.377.208
Mua trong kỳ	-	-	51.171.455	38.500.000	89.671.455
Phân loại lại(i)	-	-	(197.457.073)	(38.720.000)	(236.177.073)
Thanh lý, nhượng bán	(19.998.660)	-	(43.139.011)	(7.471.698)	(70.609.369)
Tại ngày 30/06/2013	10.827.733.840	4.704.789.618	3.740.239.967	521.498.796	19.794.262.221
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	5.600.990.120	4.177.051.594	3.514.344.619	425.410.744	13.717.797.077
Khấu hao trong kỳ	306.379.418	192.601.002	143.521.069	22.640.167	665.141.656
Phân loại lại(i)	-	-	(78.414.030)	(3.226.667)	(81.640.697)
Thanh lý, nhượng bán	(19.998.660)	-	(43.139.011)	(7.471.698)	(70.609.369)
Tại ngày 30/06/2013	5.887.370.878	4.369.652.596	3.536.312.647	437.352.546	14.230.688.667
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2013	5.246.742.380	527.738.024	415.319.977	103.779.750	6.293.580.131
Tại ngày 30/06/2013	4.940.362.962	335.137.022	203.927.320	84.146.250	5.563.573.554

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

- (i) Tổng Công ty thực hiện phân loại lại những tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định (nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 VND) thành công cụ dụng cụ và giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2013 là 7.131.584.663 VND và tại ngày 01/01/2013 là 6.771.767.886 VND

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	17.769.140.000	470.059.400	18.239.199.400
Giảm trong năm	-	(25.933.000)	(25.933.000)
Tại ngày 30/06/2013	17.769.140.000	444.126.400	18.213.266.400
KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	-	172.315.999	172.315.999
Tăng trong năm		69.021.066	69.021.066
Giảm trong năm	-	(25.933.000)	(25.933.000)
Tại ngày 30/06/2013	-	215.404.065	215.404.065
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	17.769.140.000	297.743.401	18.066.883.401
Tại ngày 31/12/2012	17.769.140.000	228.722.335	17.997.862.335

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Khu đô thị mới Cầu Giấy	4.453.348.182	4.453.348.182
Công trình Công viên Phần mềm Quang Trung	1.370.466.829	1.370.466.829
Xây dựng cơ bản dở dang Trường Cộng	296.275.818	296.275.818
	6.120.090.829	6.120.090.829

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty CP Viettronics Đồng Đa	11.236.000.000	11.236.000.000
Công ty CP Điện tử Thủ Đức	66.937.000.000	66.937.000.000
Công ty CP Điện tử Bình Hoà	14.790.000.000	14.790.000.000
Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific	22.950.000.000	22.950.000.000
Công ty CP Viettronics Tân Bình	126.660.600.000	126.660.600.000
Công ty CP Điện tử Biên Hoà	30.600.000.000	30.600.000.000
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	27.557.000.000	27.557.000.000
Công ty CP Công trình Viettronics	13.000.000.000	13.000.000.000
Cộng	313.730.600.000	313.730.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết của Công ty con tại ngày 30/06/2013

Tên công ty con	Nơi thành lập (Hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ	Tỷ lệ
		sở hữu %	biểu quyết %
Công ty CP Viettronics Đống Đa	Hà Nội	51,07%	51,07%
Công ty CP Điện tử Thủ Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	97,01%	97,01%
Công ty CP Điện tử Bình Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty CP CN Thông tin Genpacific	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty CP Viettronics Tân Bình	Thành phố Hồ Chí Minh	55,54%	55,54%
Công ty CP Điện tử Biên Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	Hà Nội	91,86%	91,86%
Công ty CP Công trình Viettronics	Hà Nội	0,00%	0,00%

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>		
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	21.420.000.000	21.420.000.000
Công ty CP Viettronimex	10.868.900.000	10.868.866.920
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	1.878.700.000	1.878.775.622
Công ty CP Máy tính Việt Nam	855.500.000	855.500.000
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	-	3.012.600.918
<i>Góp vốn liên danh</i>		
Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	1.276.595.137	1.276.595.137
Cộng	36.299.695.137	39.312.338.597

Thông tin chi tiết của Công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30/06/2013:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập /đăng ký /hoạt động	Tỷ lệ	Tỷ lệ
		sở hữu %	biểu quyết %
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>			
Công ty CP Viettronimex	Thành phố Hồ Chí Minh	46,25%	46,25%
Công ty CP Máy tính và truyền thông Việt Nam	Thành phố Hà Nội	35,70%	35,70%
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	33,77%	33,77%
Công ty CP máy tính Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	28,50%	28,50%
<i>Góp vốn liên doanh</i>			
Công ty LD Điện tử y tế KT cao Amec	Thành phố Hà Nội	49,00%	49,00%

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Bê tông ly tâm Thủ Đức	5.240.000.000	5.240.000.000
Công ty CP Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty CP Điện tử Hải Phòng	3.111.000.000	3.111.000.000
Trung tâm hội tụ đa phương tiện	100.000.000	100.000.000
Cộng	10.251.000.000	10.251.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Giá trị công cụ dụng cụ phân bổ trong kì	776.673.495	137.421.039
Nhận diện thương hiệu trường	12.269.683	36.809.050
Sửa chữa lớn tài sản cố định	216.675.833	278.790.000
Cộng	1.005.619.011	453.020.089

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	87.888.729	87.888.729
Cộng	87.888.729	87.888.729

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP An Bình (i)	43.907.909.747	66.108.455.020
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-SGD III (ii)	13.023.033.552	-
Cộng	56.930.943.299	66.108.455.020

(i) Bao gồm:

Hợp đồng tín dụng hạn mức tuần hoàn số 0905- TH/2013/HĐHM. II.116 ngày 09/05/2013 giữa Ngân hàng TMCP An Bình và Tổng Cty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam. Hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng. Mục đích vay là tài trợ vốn lưu động mua nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thanh toán L/C thực hiện các dự án có chủ đầu tư được ABBank chấp nhận. Thời gian vay từ 10/5/2013 - 10/5/2014. Thời hạn của từng khoản vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ, không quá 10 tháng. Lãi suất được quy định cụ thể tại từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Các khoản phải thu của Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La, Công ty CP Thủy điện An Khê Kanak, Tổng Công ty Xây dựng số 1, Ban quản lý dự án điện Miền Nam và Công ty CP Bắc Hà.

Hợp đồng hạn mức không tuần hoàn số 0905/2013/HĐHM.II.16 ngày 09/5/2013 giữa Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội và Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng. Thời gian vay từ 10/5/2013 - 10/5/2014. Thời hạn của từng khoản vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ, không quá 10 tháng. Lãi suất quy định cụ thể tại từng lần nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, thực hiện 03 dự án: An Khê Kanak, Bắc Hà và Dark'tih. Tài sản đảm bảo là Các khoản phải thu của Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La, Công ty CP Thủy điện An Khê Kanak, Tổng Công ty Xây dựng số 1, Ban quản lý dự án điện Miền Nam và Công ty CP Bắc Hà.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HDTDNH ngày 12/4/2013 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học Việt Nam. Số tiền vay là 13.023.033.552 đồng. Mục đích vay: thanh toán số tiền hàng phục vụ kinh doanh của TCT (thanh toán 80% tiền hàng theo hóa đơn GTGT số 0000149, 0000150). Thời hạn vay: 6 tháng. Lãi suất 12%/năm. Tài sản đảm bảo là giá trị 02 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 02QC/HDTG/2012/SGD3-VEIC và 01QC/HDTG/2012/SGD3-VEIC với tổng giá trị là 24.600.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	42.712.272.012	51.761.177.593
Liên doanh Kirloskar Brothers LTD- DA Kanak	2.675.116.158	2.675.116.158
Công ty TNHH Chongqing Water Turbine Works	1.367.400.300	1.367.400.300
Các đối tượng khác	574.439.688	214.143.800
Cộng	47.329.228.158	56.017.837.851

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty TNHH kỹ thuật T&D	2.052.584.018	-
Công ty CP MEDIAMART Việt Nam	1.552.500.000	1.035.000.000
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	383.523.145	383.523.145
Cộng	3.988.607.163	1.418.523.145

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế thu nhập cá nhân	35.007.283	25.010.822
Thuế giá trị gia tăng	-	4.665.881.545
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.033.657.185
Cộng	35.007.283	5.724.549.552

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013 VND	01/01/2013 VND
Lãi phải trả Nhà nước về chi phí cổ phần hóa (i)	20.352.613.860	20.352.613.860
Phải trả về cổ tức	25.248.896.143	-
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	4.948.235.319	4.948.235.319
Các khoản học phí Trường thu hộ	4.068.789.098	4.372.567.317
Phải trả CBCNV - ứng trước tiền mua đất	1.302.400.000	1.302.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.911.954.327	7.231.079.492
Cộng	63.832.888.747	38.206.895.988

- (i) Khoản lãi trả chậm thanh toán tiền bán cổ phần Nhà nước của Tổng công ty đến thời điểm 31/12/2010 theo thông báo của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà Nước (SCIC) là 36.545.374.298 đồng. Đến thời điểm 30/06/2013 Tổng công ty đã ghi nhận giảm doanh thu hoạt động tài chính là 20.352.613.860 đồng. Nghĩa vụ về các khoản phải trả liên quan đến quyết toán cổ phần hóa sẽ phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán vốn cổ phần hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/6/2013	01/01/2013
	VND	VND
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí đào tạo chuyên sâu	2.714.789.000	2.784.489.000
Doanh thu ghi nhận trước các hệ khác	2.418.445.000	-
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí	335.720.000	5.730.290.000
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí hệ B và hệ liên kết	-	98.742.500
Cộng	5.468.954.000	8.613.521.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	438.000.000.000	1.849.147.322			15.229.584.594		5.930.012.198		61.901.620.008		522.910.364.122	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	34.293.384.460	-	34.293.384.460	-
Lợi nhuận đơn vị trực thuộc nộp về	-	-	-	-	-	-	-	-	328.489.130	-	328.489.130	-
Trả lại lợi nhuận năm 2009 đã trích năm 2010 phải trả về cổ phần hoá	-	-	-	-	-	-	-	-	6.157.919.999	-	6.157.919.999	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	7.717.203	-	7.717.203	-
Giảm khác	-	(1.849.147.322)	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.849.147.322)	-
Số dư tại ngày 01/01/2013	438.000.000.000				15.229.584.594		5.930.012.198		102.689.130.800		561.848.727.592	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	22.773.539.862	-	22.773.539.862	-
Lợi nhuận đơn vị trực thuộc nộp về	-	-	-	-	-	-	-	-	80.811.757	-	80.811.757	-
Phân phối lợi nhuận(i)	-	-	-	-	2.190.000.000	-	2.190.000.000	-	(7.530.000.000)	-	(3.150.000.000)	-
Chi trả cổ tức trong kỳ (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	(26.280.000.000)	-	(26.280.000.000)	-
Giảm khác (ii)	-	-	-	-	-	-	(1.591.593.625)	-	-	-	(1.591.593.625)	-
Số dư tại ngày 30/06/2013	438.000.000.000				17.419.584.594		6.528.418.573		91.733.482.420		553.681.485.587	

(i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐT-ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 28/05/2013:

- Chia cổ tức 26.280.000.000 đồng
- Trích quỹ dự phòng tài chính 2.190.000.000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 3.066.000.000 đồng
- Trích lương HĐQT 84.000.000 đồng
- Trích quỹ đầu tư phát triển 2.190.000.000 đồng

(ii) Theo biên bản thanh tra thuế ngày 21/01/2013, Tổng Công ty phải nộp tổng số tiền truy thu và xử phạt thuế là 1.065.998.025 đồng.

Và theo biên bản đối chiếu quyết toán thuế GTGT hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra tổng số thuế GTGT được khấu trừ tại Tổng Công ty đang hạch toán nhiều hơn trên biên bản đối chiếu là 525.595.600 đồng do Tổng Công ty xử lý khoản chênh lệch trên từ quỹ dự phòng tài chính.

11/01/13

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 27/4/2009. Tại ngày 30/06/2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn đăng ký góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà nước	385.308.600.000	38.530.860	87,97%
Vốn các cổ đông khác	52.691.400.000	5.269.140	12,03%
	438.000.000.000	43.800.000	100,00%

26. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.692.982.597	65.490.261.301
Trong đó:		
- Doanh thu từ các dự án	4.343.065.081	58.750.943.033
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.349.917.516	6.739.318.268
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.692.982.597	65.490.261.301

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Giá vốn từ các dự án	4.276.474.218	58.161.907.874
Giá vốn Dịch vụ đã cung cấp	3.919.016.972	3.451.222.888
Cộng	8.195.491.190	61.613.130.762

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nhân công	10.708.466.401	5.888.069.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	734.162.722	831.739.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.426.948.813	59.723.777.656
Chi phí khác	3.744.945.625	2.658.920.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	19.990.366.850	30.896.635.000
Lãi từ tiền gửi ngân hàng và cho vay	8.288.008.601	10.215.880.315
Lãi do bán các loại chứng khoán	4.839.399.082	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	42.007.030	-
Cộng	33.159.781.563	41.112.515.315

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	645.607.158	-
Chi phí tài chính khác	273.378.937	-
Cộng	918.986.095	-

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí tiền lương	7.897.135.492	3.045.348.837
Chi phí khác	4.033.802.365	4.106.584.938
Cộng	11.930.937.857	7.151.933.775

Trong kỳ, Tổng Công ty tạm trích vào chi phí lương là 6.391.534.928 đồng theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc. Việc quyết toán quỹ tiền lương sẽ được thực hiện vào thời điểm cuối năm.

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty chưa thực hiện tạm tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3).

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

• MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2013	01/01/2013
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.861.211.649	87.723.617.540
Phải thu khách hàng, phải thu khác	92.627.241.879	24.554.338.661
Các khoản cho vay	115.499.615.161	111.276.581.609
Đầu tư dài hạn	360.181.295.137	363.193.938.597
Cộng	673.169.363.826	586.748.476.407
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	56.930.943.299	66.108.455.020
Phải trả người bán, phải trả khác	111.162.116.905	94.224.733.839
Cộng	168.093.060.204	160.333.188.859

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Rủi ro về tỷ giá

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.861.211.649	-	-	104.861.211.649
Phải thu khách hàng, phải thu khác	92.627.241.879	-	-	92.627.241.879
Các khoản cho vay	115.499.615.161	-	-	115.499.615.161
Đầu tư dài hạn	-	360.181.295.137	-	360.181.295.137
Cộng	312.988.068.689	360.181.295.137	-	673.169.363.826
Tại ngày 30/06/2013				
Vay và nợ	56.930.943.299	-	-	56.930.943.299
Phải trả người bán, phải trả khác	111.162.116.905	-	-	111.162.116.905
Cộng	168.093.060.204	-	-	168.093.060.204
Chênh lệch thanh khoản thuần	(144.895.008.485)	(360.181.295.137)	-	(505.076.303.622)

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 chưa được soát xét.



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hương
Người lập biểu